

KẾ HOẠCH
Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn xã Hiệp Lực giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 19/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030, UBND xã Hiệp Lực ban hành Kế hoạch bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn xã giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 19/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo đảm và duy trì mức sinh thay thế hợp lý trên địa bàn xã. Góp phần ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của xã đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương trong công tác dân số.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải bám sát tình hình thực tiễn của xã; phù hợp với đặc điểm dân cư, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của địa phương, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình mức sinh, các yếu tố tác động đến mức sinh trên địa bàn xã; kịp thời đề xuất, điều chỉnh các giải pháp phù hợp nhằm phấn đấu đưa mức sinh của xã đạt mức sinh thay thế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đạt và duy trì mức sinh thay thế (*bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con*).

- 100% phụ nữ thuộc dân tộc thiểu số rất ít người và phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi được hưởng chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con theo quy định tại Điều 3 của Nghị định 168/2026/NĐ-CP.

- 100% lao động nữ khi sinh con thứ hai và lao động nam khi vợ sinh con thứ hai được hưởng chế độ nghỉ thai sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Dân số.

- Trên 95% các cặp vợ chồng nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn xã chậm nhất vào năm 2030.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con theo đúng quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

1.1. Nội dung

a) Quán triệt sâu sắc việc chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc. Mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo vùng có mức sinh cao để sớm đưa mức sinh của xã đạt mức sinh thay thế chậm nhất vào năm 2030.

b) Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện chương trình; giao nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

c) Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

1.2. Kết quả đầu ra

- Ban hành, triển khai, quán triệt kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, xã.

- Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo, chỉ đạo; khuyến khích, hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh con và nuôi dạy con tốt, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng về sinh đủ hai con, xây dựng gia đình hạnh phúc.

2. Đẩy mạnh truyền thông, vận động thay đổi hành vi

2.1 Nội dung

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21- NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số; Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

b) Nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, phong tục tập quán và nhóm đối tượng khác nhau nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn xã, như sau:

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao chất lượng dân số.

- Khuyến khích chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ưu tiên tuyên truyền, vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ như những người nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, trưởng thôn/bản,... Đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ công tác viên dân số, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn, bản.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh

sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

2.2. Kết quả đầu ra

- Các hoạt động truyền thông, giáo dục về dân số, mức sinh và sức khỏe sinh sản được triển khai rộng khắp.

- Nội dung và hình thức truyền thông được đổi mới, đa dạng và ứng dụng công nghệ số. Mạng lưới truyền thông phủ rộng đến cơ sở.

- Người dân, đặc biệt là thanh niên và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, được nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về kết hôn, sinh con phù hợp, chăm sóc sức khỏe sinh sản, góp phần duy trì mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn xã.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

3.1. Nội dung

a) Trên cơ sở Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số, căn cứ tình hình thực tiễn, khả năng cân đối ngân sách địa phương và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của xã triển khai kịp thời, chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con cho đối tượng Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người; Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với người có từ 02 con để trở lên đảm bảo chi trả chính sách kịp thời, đúng đối tượng góp phần từng bước đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn xã. Thực hiện chính sách cho người lao động được hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai theo đúng quy định của pháp luật, từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ và các cặp vợ chồng trong việc mang thai, sinh con và nuôi dạy con, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế gia đình và thực hiện chức năng sinh sản.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất các chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm từng bước nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn xã.

3.2. Kết quả đầu ra

- Các chính sách về dân số trên địa bàn xã được triển khai kịp thời, đúng đối tượng.

- Đề xuất các chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

4.1. Nội dung

a) Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, sử dụng thuận lợi, công bằng, bình đẳng với các dịch vụ thiết yếu, phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số.

b) Từng bước mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ kỹ thuật như sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn và hỗ trợ phòng tránh vô sinh, hiếm muộn; tăng cường cung cấp các phương tiện tránh thai an toàn, hiện đại và thuận tiện.

c) Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật; chú trọng mở rộng dịch vụ đến địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số góp phần nâng cao chất lượng dân số, cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ em và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

4.2. Kết quả đầu ra

- Hệ thống dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình được củng cố, nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận của người dân; mở rộng dịch vụ đến vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn và hỗ trợ vô sinh, hiếm muộn.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

5.1. Nội dung

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế xã; chú trọng cập nhật kiến thức, kỹ năng về quản lý, truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Thường xuyên cử đội ngũ viên chức y tế, dân số tham dự các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ.

- Thường xuyên cung cấp, thông tin về biến động dân số và thực trạng mức sinh cho cấp ủy đảng, chính quyền xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất, tập trung vào địa bàn, lĩnh vực trọng tâm. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc

để có giải pháp tháo gỡ phù hợp; đồng thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số trên địa bàn xã.

5.2. Kết quả đầu ra

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ.
- Thông tin, số liệu dân số được cập nhật, cung cấp kịp thời phục vụ chỉ đạo, điều hành.
- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch của UBND xã, chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp thực hiện lồng ghép trong công tác chuyên môn đảm bảo chất lượng, hiệu quả, theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, kịp thời tham mưu văn bản của UBND xã chỉ đạo thực hiện các nội dung theo tiến độ yêu cầu; tham mưu đưa các mục tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Hướng dẫn, thực hiện tiêu chí về dân số trong xét tặng danh hiệu gia đình, thôn, văn hóa theo quy định.

3. Phòng Kinh tế: Trên cơ sở dự toán đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng ngân sách được phân bổ, bố trí kinh phí hằng năm thực hiện Kế hoạch theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành, các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trạm Y tế

- Là cơ quan thường trực, tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì hướng dẫn chuyên môn, tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông dân số trên địa bàn.

- Tham mưu bố trí kinh phí cho hoạt động theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo nội dung của Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hằng năm; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các thôn triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Thực hiện chế độ thông kê, báo cáo theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch

- Trên cơ sở Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, ban, ngành liên quan triển khai chính sách duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn xã kịp thời, đúng đối tượng.

- Phối hợp với Trung tâm dịch vụ tổng hợp xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công tác dân số; tập trung truyền thông các nội dung mới, trọng tâm của chính sách dân số; đồng thời đa dạng hóa hình thức truyền thông, ưu tiên ứng dụng trên nền tảng số.

- Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ dân số/kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên.

- Tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế về truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; thực trạng mức sinh hiện nay; đánh giá sơ kết, tổng kết chương trình.

5. Các trường học trên địa bàn

- Lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới và bình đẳng giới trong chương trình giáo dục trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục.

- Xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho học sinh trong các cơ sở giáo dục ở các lứa tuổi, cấp học phù hợp.

6. Công an xã

Phối hợp với Trạm Y tế và các cơ quan, đơn vị, liên quan khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong việc rà soát, xác định đối tượng, phục vụ triển khai chính sách duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn xã, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

7. Trung tâm dịch vụ tổng hợp

- Tăng thời lượng, chất lượng các chương trình phát sóng tuyên truyền về chính sách dân số và thực trạng mức sinh hiện nay,... xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công tác dân số về bảo đảm mức sinh thay thế; các dịch vụ dân số/kế hoạch hóa gia đình nhằm cung cấp thông tin, kiến thức góp phần nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi của cộng đồng về công tác dân số trong giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số và phát triển, trọng tâm là bảo đảm mức sinh thay thế; xây dựng, triển khai các sản phẩm truyền thông phản ánh thực trạng, xu hướng mức sinh hiện nay.

Lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt chính sách pháp luật về dân số, trong đó tập trung nội dung bảo đảm mức sinh thay thế; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan. Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác dân số gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Gia đình văn hóa”. Tăng cường giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dân số; kịp thời kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông vận động, khuyến khích thanh niên khám sức khỏe trước khi kết hôn, các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc.

Trên đây là Kế hoạch bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn xã Hiệp Lực giai đoạn 2026 - 2030. Đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai đảm bảo phù hợp, hiệu quả, theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- TT Đảng ủy (b/c);
- LĐ UBND xã;
- UB MTTQVN xã và các đoàn thể;
- Các Phòng, ban, ngành xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT, VHXX.Thaoht.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Trung